

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Anh Dũng;

- Bà Trần Thị Cúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Công Em – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1967; cư trú tại: Số A Trừ Văn T, Khu phố B, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Khả A, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp MC, xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Lê Khả A tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, do cha chị và cha anh A quen nhau nên kết sui gia và gia đình anh A hỏi cưới chị. Hai bên tổ chức đám hỏi vào mừng hai Tết năm 1990, đến tháng 02-1990 âm lịch thì tổ chức đám cưới. Sau khi cưới, vợ chồng chị sinh sống đến nay mà không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng sống bên gia đình chị khoảng 06-07 tháng thì cất nhà ở riêng cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không thật sự hạnh phúc vì tính tình không hòa hợp nên xảy ra mâu thuẫn dù là chuyện nhỏ, dẫn đến anh A thường xuyên đánh chị. Ngoài việc đánh chị thì anh A cũng lo làm ăn. Đến khoảng tháng 12-2020 thì anh A có quen với

người phụ nữ khác, chị khuyên ngăn thì anh A không thừa nhận nên làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Chị kinh doanh mua bán mít ở vừa trái cây, còn anh A ở nhà, vợ chồng thỉnh thoảng mới gặp nhau nay đã 03-04 năm. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được nữa, do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh A.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Thị Phương Q, sinh năm 1997 hiện đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng chị tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Lê Khả A dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không có lý do trong các phiên họp và phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị T và anh Lê Khả A tranh chấp về ly hôn; anh A có địa chỉ cư trú tại ấp MC, xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh A.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo chị Lê Thị T trình bày và qua kết quả xác minh, cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân xã ML, huyện C và Ủy ban nhân dân Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (Nơi bị đơn, nguyên đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống) cung cấp thì chị T, anh A bắt đầu chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1990, cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Xét trường hợp chung sống như vợ chồng giữa chị T, anh A không thuộc trường hợp hôn nhân thực tế theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị T, anh A chưa được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên nay chị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh A là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị T và anh A có 01 con chung là Lê Thị Phương Q, sinh năm 1997 hiện đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp, anh A cũng không có ý kiến gì về phần này. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh A cũng không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Lê Khả A.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001**5 ngày 23-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như chị T đã thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang và UBND Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực